

Số: 51/2020/QĐST-HNGĐ

Hòa Vang, ngày 30 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2052/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Đặng Văn M, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 12 kiết 79 đường V, phường An Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Và bà Trương Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H đều xác định vợ chồng có một con chung tên là Đặng Trương N, sinh ngày 19/01/2017. Ly hôn ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H tự nguyện thỏa thuận: giao con chung Đặng Trương N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông M và bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0000252 ngày 08/6/2020. Ông M và bà H đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H đều xác định vợ chồng có một con chung tên là Đặng Trương N, sinh ngày 19/01/2017. Ly hôn, ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H tự nguyện thỏa thuận: Giao con chung Đặng Trương N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/7/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

II. Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng ông Đặng Văn M và bà Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông M và bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0000252 ngày 08/6/2020. Ông M và bà H đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa V;
- UBND xã Hòa N, huyện Hòa V, (số 14/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

Nguyễn Thế Anh